

TÁC ĐỘNG CỦA HỌC TẬP KẾT HỢP (BLENDED LEARNING) ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC NGÔN NGỮ TRONG BỐI CẢNH VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hồng Khanh
Đại học Đồng Nai

Tóm tắt: Thế kỷ 21 chứng kiến một cuộc cách mạng trong công nghệ giáo dục. Theo Wang và Heffernan (2010, được trích dẫn trong Zainuddin, 2015, tr. 71), các lớp học truyền thống lấy giáo viên làm trung tâm đã trở nên không còn phù hợp trong kỷ nguyên số nếu không được kết hợp với các nhiệm vụ có sự hỗ trợ của công nghệ. Nhiều nghiên cứu đã được tiến hành nhằm đề xuất một phương thức kết hợp giữa dạy học truyền thống và công nghệ, được gọi là học tập kết hợp (blended learning), và phương thức này đã được chứng minh là có vai trò quan trọng trong sự phát triển tương lai. Các nghiên cứu này có những phát hiện tương đồng về tác động của học tập kết hợp, đặc biệt là việc hình thành khả năng tự điều chỉnh trong tư duy của người học. Tuy nhiên, vẫn còn rất ít nghiên cứu xem xét một cách cẩn trọng cách thức học tập này mang lại lợi ích cho người học ngôn ngữ trong bối cảnh Việt Nam. Vì vậy, bài luận này sẽ thảo luận về tác động của học tập kết hợp đối với người học ngôn ngữ tại Việt Nam, đồng thời đề xuất thêm các nghiên cứu về khả năng thúc đẩy tính tự chủ của người học trong môi trường học tập kết hợp.

Từ khóa: Học tập kết hợp, công nghệ giáo dục, tự chủ của người học, bối cảnh Việt Nam, người học ngôn ngữ.

THE IMPACT OF BLENDED LEARNING ON LANGUAGE LEARNERS IN VIETNAM CONTEXT

Abstract: The 21st century witnesses a revolution in educational technology. According to Wang & Heffernan (2010, as cited in Zainuddin, 2015, p.71), the conventional classrooms which are teacher-centred have become unsuitable in this digital era unless they are combined with technology-supported tasks. A number of studies have been conducted to propose a potential way of blending traditional learning and technology, called blended learning, which has been proven to be prominent in future pedagogy. These studies shared similar findings about the effects of blended learning, especially the establishment of self-regulation in learners' mindset. However, little research has carefully investigated how this way of learning benefits language learners in Vietnam. Therefore, this essay is going to discuss the impact of BL on language learners in Vietnam context and propose more research on the possibility of encouraging autonomy in blended learning.

Keywords: Blended learning, educational technology, learner autonomy, Vietnamese context, language learners.

Nhận bài: 13/03/2026

Phản biện: 15/04/2026

Duyệt đăng: 18/04/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Học tập kết hợp (Blended Learning – BL) ngày càng trở nên phổ biến trong bối cảnh giáo dục hiện đại, khi công nghệ được tích hợp sâu rộng vào quá trình dạy và học. Tuy nhiên, dù được áp dụng rộng rãi, BL vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất. Theo Graham (2006, được trích dẫn trong Grgurović, 2017), học tập kết hợp được hiểu là sự pha trộn giữa hình thức giảng dạy trực tiếp trên lớp và giảng dạy thông qua máy tính. Quan điểm này nhấn mạnh vai trò của công nghệ như một công cụ hỗ trợ, bổ sung cho phương pháp truyền thống. Bên cạnh đó, Zainuddin (2015) cũng đưa ra cách nhìn tương tự khi cho rằng BL là sự kết hợp giữa các quy trình giáo dục truyền thống và hiện đại, tuy nhiên lại nhấn mạnh nhiều hơn vào vai trò của giảng viên trong việc điều phối và thiết kế hoạt động học tập. Dù có những khác biệt nhất định, cả hai cách tiếp cận đều thống nhất ở điểm cốt lõi: học tập kết hợp là sự tích hợp giữa môi trường học trực tiếp và môi trường học trực tuyến dựa trên công nghệ. Sự kết hợp này không chỉ

giúp nâng cao tính linh hoạt trong học tập mà còn tạo điều kiện để người học tiếp cận kiến thức theo nhiều hình thức khác nhau, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục trong bối cảnh số hóa ngày nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Các nghiên cứu liên quan trước đây liên quan

Đã có nhiều nghiên cứu về BL, cho thấy cả ưu điểm lẫn thách thức. Grgurović (2017, tr. 152-161) đã tổng hợp một loạt nghiên cứu và cô đọng các phát hiện của chúng thành năm nhóm: So sánh giữa BL và không BL, nhận thức của giáo viên, nhận thức của người học, công cụ công nghệ và triển khai khóa học.

Nhóm nghiên cứu thứ nhất chỉ ra rằng học tập kết hợp (BL) mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho sinh viên, đặc biệt ở hai khía cạnh chính là hậu cần và sự phạm. Về mặt hậu cần, BL giúp người học tiết kiệm chi phí đi lại, thời gian và các nguồn lực khác nhờ việc kết hợp học trực tuyến với học trực tiếp. Về mặt sự phạm, hình thức này hỗ trợ sinh viên chuẩn bị tốt hơn trước khi tham gia các buổi

học trên lớp, thông qua việc tiếp cận tài liệu và nội dung học tập trước. Nhờ đó, sinh viên có thể tham gia tích cực hơn vào các hoạt động trên lớp. Những lợi ích này đã được nhiều nghiên cứu như Blake và cộng sự (2008), Chenoweth và cộng sự (2006); Gleason, 2013a; O' Leary (2008); Scida & Saury, (2006) và Young (2008) ghi nhận.

Nhóm nghiên cứu thứ hai cho thấy học tập kết hợp (BL) có thể giúp hoàn thành khối lượng công việc lớn hơn nhờ tận dụng hiệu quả cả môi trường trực tuyến và trực tiếp. Việc phân bổ nội dung học tập linh hoạt cho phép giáo viên và sinh viên tối ưu hóa thời gian, từ đó nâng cao năng suất học tập (Comas-Quinn, 2011; Gleason, 2013b; Murday và cộng sự, 2008; Scida & Saury, 2006; Shelley và cộng sự, 2013). Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả này, giáo viên cần được đào tạo bài bản trong việc thiết kế và triển khai các khóa học BL. Điều này bao gồm khả năng lựa chọn công cụ công nghệ phù hợp, xây dựng nội dung hấp dẫn và tổ chức hoạt động học tập hiệu quả. Nhiều nghiên cứu như Chenoweth và cộng sự (2006) hay Yang (2014) đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc bồi dưỡng kỹ năng cho giáo viên.

Nhóm nghiên cứu thứ ba phản ánh quan điểm của sinh viên về học tập kết hợp (BL), trong đó nhiều người cho rằng hình thức này giúp họ cảm thấy thoải mái hơn và tăng khả năng tự điều chỉnh trong quá trình học (Banados, 2006; Chenoweth và cộng sự, 2006; Gleason, 2013b; Goertler và cộng sự, 2012; Grgurović, 2011). Nhờ có sự linh hoạt giữa học trực tuyến và trực tiếp, sinh viên có thể chủ động sắp xếp thời gian và kiểm soát tiến độ học tập của mình. Tuy nhiên, hiệu quả của BL vẫn phụ thuộc vào một số yếu tố quan trọng. Cụ thể, trình độ tin học của sinh viên có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận và sử dụng các nền tảng học trực tuyến. Bên cạnh đó, sự thiếu liên kết chặt chẽ giữa tài liệu trực tuyến và nội dung học trên lớp cũng có thể làm giảm hiệu quả tổng thể của quá trình học tập (Jochum, 2011; Kramer, 2008a; 2008b; Sagarra & Zapata, 2008; Snodin, 2013; Stracke, 2007; Wichadee, 2013; Winke & Goertler, 2008; Winke và cộng sự, 2010, trích dẫn trong Grgurović, 2017).

Nhóm nghiên cứu tiếp theo cho thấy phần lớn sinh viên bày tỏ sự quan tâm đến các công cụ trực tuyến như trò chuyện, blog, wiki cũng như một số hoạt động hỗ trợ phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

Những công cụ này tạo điều kiện cho người học tương tác, trao đổi ý kiến và thực hành ngôn ngữ trong môi trường linh hoạt hơn so với lớp học truyền thống (Barragan, 2009; Kraemer, 2008b; Miyazoe & Anderson, 2009). Tuy nhiên, hiệu quả mà các công cụ này mang lại không phải lúc nào cũng giống nhau, mà phụ thuộc đáng kể vào cách thiết kế nhiệm vụ học tập. Nếu hoạt động được xây dựng phù hợp, rõ ràng và có mục tiêu cụ thể, sinh viên sẽ tham gia tích cực và đạt kết quả tốt hơn; ngược lại, thiết kế chưa hợp lý có thể làm giảm hiệu quả học tập. (Sagarra & Zapata, 2008, trích dẫn trong Grgurović, 2017).

Nhóm nghiên cứu cuối cùng nhấn mạnh rằng khả năng truy cập của nền tảng đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo sự thành công của một khóa học học tập kết hợp (BL). Khi hệ thống học trực tuyến dễ sử dụng, ổn định và có thể truy cập mọi lúc, mọi nơi, sinh viên sẽ thuận lợi hơn trong việc tham gia và duy trì quá trình học tập. Ngược lại, những hạn chế về kỹ thuật hoặc khó khăn khi truy cập có thể làm gián đoạn việc học và giảm hiệu quả tổng thể. Bên cạnh đó, yếu tố này cần được xem xét cùng với các khía cạnh khác như thiết kế khóa học và năng lực người học. Điều này đã được khẳng định trong các nghiên cứu của Grgurović (2011) và Hinkelman & Gruba (2012, trích dẫn trong Grgurović, 2017).

Một nghiên cứu khác của Herlina và cộng sự (2019) cho thấy rằng BL đã cải thiện năng lực ngôn ngữ và cơ hội để sinh viên học theo tốc độ của riêng mình, từ đó tạo tiền đề cho tính tự chủ, trong khi các buổi gặp mặt trực tiếp đóng vai trò như những nhiệm vụ hợp tác trong đời thực. Ngoài ra, các phát hiện từ nghiên cứu của Zainuddin (2015) xác nhận những khó khăn do việc đào tạo chưa đầy đủ cho tất cả những người tham gia BL và khả năng tiếp cận internet ở một số khu vực nông thôn. Tang và Nguyen (2020) báo cáo một số lợi ích trong bối cảnh Việt Nam: nâng cao chất lượng giáo dục, tăng khả năng tiếp cận và tính linh hoạt, và giảm chi phí. Lợi ích của BL rất đa dạng và không thể phủ nhận. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số thách thức, phần lớn xuất phát từ việc người học thiếu kỹ năng máy tính, đặc biệt là trong bối cảnh Việt Nam (Pham, 2018).

2.2. Bối cảnh Việt Nam

Theo Tang và Nguyen (2020, tr.306), đa số các trường học ở Việt Nam chỉ cho phép giáo viên

sử dụng công nghệ trong các hoạt động riêng lẻ, trong khi một tỷ lệ nhỏ sử dụng các nền tảng trực tuyến như Module ở cấp độ khóa học. Họ cũng phát hiện rằng (1) nhiều giáo viên nhận thức được nhưng không áp dụng hiệu quả BL trong giảng dạy của mình, và (2) họ không sẵn sàng áp dụng BL nếu ban quản lý không yêu cầu. Cần có một ứng dụng rộng rãi hơn ở cấp quản lý để tận dụng tối đa BL. Điều này có thể được kích hoạt nhanh chóng nhờ một dân số có hiểu biết về máy tính. Trong một báo cáo của Internet World Stats (2021), Việt Nam là quốc gia đứng thứ 14 về số lượng người dùng internet trên thế giới, điều này đảm bảo sự phát triển nổi bật của BL trong giáo dục (Herlina và cộng sự, 2019).

2.3. Việc Sử Dụng Học Tập Kết Hợp tại Việt Nam

Một số nhà nghiên cứu tại Việt Nam đã xem xét cẩn thận việc sử dụng BL trong các trường trung học và giáo dục đại học ở Việt Nam bởi vì sinh viên tại các cơ sở giáo dục này dường như có kiến thức tốt hơn về công nghệ. Những kết quả nổi bật có thể kể đến là:

Thứ nhất, BL cải thiện trình độ tiếng Anh của người học (Pham et al., 2018; Phuong et al., 2019). Sinh viên thừa nhận rằng họ có kỹ năng nghe và nói tốt hơn đáng kể cũng như phần nào cải thiện từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng viết. Điều này có thể là do việc sử dụng tiếng Anh thường xuyên để trao đổi thông tin cả trực tuyến và ngoại tuyến. Sinh viên phải tìm kiếm các yếu tố ngôn ngữ hoặc nội dung để giao tiếp thành công, điều này giúp nâng cao kỹ năng ngôn ngữ của họ.

Thứ hai, học tập kết hợp (BL) được ghi nhận là mang lại một môi trường học tập vừa thú vị vừa thoải mái cho sinh viên (Pham et al., 2018; Phuong et al., 2019). Nhờ sự tích hợp của công nghệ, các buổi học trực tuyến thường sử dụng nhiều giao diện sinh động, hình ảnh trực quan và các hoạt động tương tác hấp dẫn, giúp người học cảm thấy hứng thú hơn so với những bài tập truyền thống mang tính lặp lại. Chính yếu tố này góp phần làm giảm căng thẳng và tạo cảm giác thư giãn trong quá trình học tập. Bên cạnh đó, sự linh hoạt của BL cũng cho phép sinh viên học theo nhịp độ riêng, từ đó nâng cao động lực và sự chủ động. Một lợi ích đáng chú ý khác là sinh viên không phải chịu nhiều áp lực tài chính trong việc mua tài liệu học tập, vì phần lớn tài liệu được cung cấp dưới dạng bản mềm miễn phí.

Thứ ba, một hạn chế đáng chú ý của học tập kết hợp (BL) là việc thiếu phản hồi kịp thời từ giáo viên có thể làm giảm hiệu quả học tập của sinh viên (Phuong et al., 2019). Mặc dù các nhiệm vụ trực tuyến được thiết kế nhằm khuyến khích người học tự khám phá và chủ động tiếp cận kiến thức, quá trình này sẽ không đạt hiệu quả tối ưu nếu thiếu sự hướng dẫn và hỗ trợ từ giảng viên. Phản hồi không chỉ giúp sinh viên hiểu rõ mức độ tiến bộ của bản thân mà còn định hướng họ điều chỉnh phương pháp học tập phù hợp. Thực tế cho thấy nhiều sinh viên cảm thấy thất vọng khi tham gia các kỳ thi, vì những bài luyện tập trực tuyến trước đó không được giáo viên kiểm tra hoặc góp ý đầy đủ. Điều này dẫn đến khoảng cách giữa quá trình ôn tập và yêu cầu đánh giá, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập.

Cuối cùng, trình độ tin học hạn chế của sinh viên được xem là một trong những rào cản đáng kể đối với hiệu quả của học tập kết hợp (BL) (Pham et al., 2018; Phuong et al., 2019). Khi các khóa học BL lần đầu được triển khai, nhiều sinh viên đã gặp phải hàng loạt khó khăn trong quá trình tham gia, chẳng hạn như không thể truy cập các liên kết học tập, gặp trở ngại trong việc hiểu các quy định của khóa học, hay thiếu kỹ năng quản lý thời gian phù hợp. Ngoài ra, các lỗi liên quan đến phần mềm hoặc nền tảng học trực tuyến cũng khiến họ lúng túng và mất nhiều thời gian xử lý. Những vấn đề này không chỉ làm gián đoạn quá trình học mà còn ảnh hưởng đến trải nghiệm tổng thể của người học. Nguyên nhân chủ yếu có thể xuất phát từ việc sinh viên chưa được trang bị đầy đủ các kỹ năng công nghệ cần thiết cho môi trường học tập hiện đại.

Về trải nghiệm của tác giả bài viết này với các lớp học tiếng Anh của mình, một số loại công nghệ đơn giản như trò chơi tương tác (Kahoot, Quizziz, Wordwall), email và Google Docs đã được sử dụng để tạo động lực học tập cho sinh viên cả trên lớp và ở nhà. Phần lớn sinh viên tỏ ra rất hứng thú với các trò chơi trực tuyến, trong khi những người có kết nối internet chậm hoặc thiết bị yếu lại cảm thấy bị bỏ lại phía sau. Email và Google Docs được sử dụng để khuyến khích kỹ năng viết của sinh viên. Tuy nhiên, chỉ một số ít sinh viên thể hiện sự quan tâm đến những công cụ này. Điều này có thể được giải thích bởi thực tế rằng phần lớn sinh viên sợ viết. Tuy nhiên, những

sinh viên tham gia thậm chí đã gửi email cho giáo viên và thể hiện mong muốn làm việc cùng bạn bè trên Google Docs cũng như nhận phản hồi thường xuyên từ giáo viên. Họ cho biết rằng, bằng cách này, họ cảm nhận được sự kết nối gần gũi giữa giáo viên - sinh viên - sinh viên.

2.4. Kết quả và thảo luận

2.4.1. Tóm tắt và Khoảng trống Nghiên cứu

Tóm lại, học tập kết hợp (BL) đã được chứng minh mang lại nhiều lợi ích đáng kể cho sinh viên Việt Nam trên nhiều phương diện khác nhau, bao gồm nâng cao trình độ thành thạo, tăng cường động lực học tập, tối ưu hóa chi phí và mở rộng cơ hội tự học. Nhờ sự kết hợp linh hoạt giữa học trực tiếp và học trực tuyến, sinh viên có thể tiếp cận nguồn tài liệu phong phú, chủ động hơn trong việc quản lý thời gian và xây dựng lộ trình học tập cá nhân. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nổi bật này, BL vẫn tồn tại một số thách thức nhất định, đặc biệt liên quan đến mức độ tham gia và hỗ trợ của giáo viên cũng như trình độ tin học của người học. Đáng chú ý, mặc dù yếu tố tự học được xem là một lợi ích quan trọng của BL, nhưng khía cạnh này vẫn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ trong bối cảnh Việt Nam. Theo Gebre và cộng sự (2014) và Grgurović (2017), BL với định hướng lấy người học làm trung tâm đòi hỏi sinh viên phải phát triển tính tự chủ, đồng thời trang bị các kỹ năng cần thiết để tự quản lý việc học một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, Grgurović (2017, tr.164) còn nhấn mạnh sự phát triển mạnh mẽ của các nền tảng BL trên các thiết bị di động như điện thoại thông minh, cho phép sinh viên học tập mọi lúc, mọi nơi. Sự tiếp xúc thường xuyên với các thiết bị này có thể góp phần thúc đẩy tính tự chủ của người học nhanh hơn và hiệu quả hơn. Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng cần thiết phải tiến hành thêm nhiều nghiên cứu chuyên sâu nhằm làm rõ tác động của BL đối với khả năng tự chủ của người học ngôn ngữ, đồng thời xem xét vai trò của các yếu tố công nghệ, đặc biệt là ứng dụng di động, trong việc hỗ trợ và phát huy tối đa tiềm năng tự học của sinh viên.

2.4.2. Khuyến nghị và đề xuất

Những phát hiện được thảo luận trong tài liệu đã đặt nền tảng cho một số khuyến nghị. Trước tiên, BL cần nhận được sự quan tâm nhiều hơn từ các nhà quản lý Việt Nam, những người có thể triển khai đầy đủ phong cách học tập nổi bật này thông qua chính sách của họ. Chỉ khi có quy định bắt buộc về việc sử dụng BL, giáo viên và sinh

viên mới cân nhắc cẩn thận việc áp dụng BL trong công việc của họ. Thứ hai, giáo viên cần được đào tạo bài bản cả về thiết kế các khóa học BL phù hợp lẫn việc triển khai chúng một cách hiệu quả. Vai trò của giáo viên trong giảng dạy trực tiếp đóng vai trò quyết định đối với sự thành công của khóa học. Họ không chỉ cần lựa chọn các nhiệm vụ phù hợp mà còn cần cung cấp phản hồi khi cần thiết để thúc đẩy việc học của sinh viên. Thứ ba, sinh viên cũng cần được chuẩn bị tốt về kỹ năng máy tính tổng quát cũng như kiến thức cụ thể về các công cụ trực tuyến phổ biến và các nền tảng Hệ thống Quản lý Học tập (LMS) để tiếp cận tốt hơn các cơ hội học tập trong BL. Ngoài ra, việc tự rèn luyện các kỹ năng mềm như quản lý thời gian và quản lý học tập, vốn chưa phổ biến ở Việt Nam, là điều bắt buộc nếu họ muốn khai thác tối đa BL để cải thiện bản thân. Cuối cùng, các nghiên cứu tiếp theo có thể tiến hành nghiên cứu hành động về hiệu quả của BL đối với tính tự chủ hoặc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến tính tự chủ. Các chủ đề nghiên cứu liên quan đến ứng dụng di động trong tương lai nhằm phát triển tính tự chủ của sinh viên cũng được tổng quan tài liệu này khuyến nghị mạnh mẽ.

III. KẾT LUẬN

Học tập kết hợp (blended learning) đang trở thành một xu hướng quan trọng trong giáo dục hiện đại, đặc biệt trong dạy và học ngôn ngữ. Qua tổng hợp các nghiên cứu và đối chiếu với bối cảnh Việt Nam, có thể khẳng định rằng học tập kết hợp mang lại nhiều tác động tích cực đối với người học ngôn ngữ, như nâng cao trình độ tiếng Anh, tăng hứng thú học tập, mở rộng khả năng tiếp cận tài liệu, tiết kiệm chi phí và tạo điều kiện cho người học phát triển tính chủ động trong học tập. Sự kết hợp giữa học trực tiếp và học trực tuyến không chỉ giúp người học linh hoạt hơn về thời gian, không gian mà còn góp phần hình thành môi trường học tập phù hợp với yêu cầu của thời đại số.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rõ rệt, việc triển khai học tập kết hợp trong bối cảnh Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, như hạn chế về trình độ công nghệ của người học, sự thiếu sẵn sàng của giáo viên, phản hồi chưa kịp thời và mức độ hỗ trợ từ quản lý giáo dục còn chưa đồng đều. Vì vậy, để phát huy tối đa hiệu quả của mô hình này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà quản lý, giáo viên và người học, đồng thời tiếp tục thúc đẩy các nghiên cứu sâu hơn về vai trò của học tập kết hợp trong việc phát triển tính tự chủ cho người học ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Grgurović, M. (2017). Blended language learning. In C. A. Chapelle, & S. Sauro (Eds), *The handbook of technology and second language teaching and learning* (Vol. 11, pp. 149-168). John Wiley & Sons. <https://doi.org/10.1002/9781118914069.ch11>
- Gebre, E., Saroyan, A., & Bracewell, R. (2014). Students' engagement in technology-rich classrooms and its relationship to professors' conceptions of effective teaching. *British Journal of Educational Technology*, 45(1), 83–96. <https://doi.org/10.1111/bjet.12001>
- Herlina, N., Sundayana, W., & Purnawarman, P. (2019). Blended learning as a means of promoting autonomous and collaborative learning experiences. *Proceedings of the Third International Conference on Sustainable Innovation 2019: Humanity, Education and Social Sciences (IcoSIHESS 2019)*, 353, 76-82. <https://dx.doi.org/10.2991/icosihess-19.2019.12>
- Internet World Stats. (2021, March). Countries with the highest number of internet users as of Q1 2021. <https://www.statista.com/statistics/262966/number-of-internet-users-in-selected-countries/>
- Kember, D. (1997). A reconceptualisation of the research into university academic conceptions of teaching. *Learning and Instruction*, 7(3), 255-275. [https://doi.org/10.1016/S0959-4752\(96\)00028-X](https://doi.org/10.1016/S0959-4752(96)00028-X)
- Lungu, I. (2013). The increasing need for blended-learning models in courses of English for specific courses in Romanian universities. *Procedia Social and Behavioral Sciences*, 76, 470-475. <http://dx.doi.org/10.1016/j.sbspro.2013.04.148>
- Nguyen, H. T., Mai, V. H., & Nguyen, T. T. Q. (2020). Potential of blended learning at high schools in Hanoi. *VNU Journal of Science: Education Research*, 36(2). <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4417>
- Pham, T. T. H. (2018). Applying blended learning method in teaching English at the university of Da Nang, Viet Nam. *The Educational Review*, 3(1), 16-21. <http://dx.doi.org/10.26855/er.2019.01.002>
- Phuong, H. Y., Huynh, M. H., & Huynh, C. M. H. (2019). Students' perceptions of a blended learning environment for English training at a university in Vietnam. *Can Tho University Journal of Science*, 11(3), 57-64. <http://dx.doi.org/10.22144/ctu.jen.2019.039>
- Tang, M. S., & Nguyen, T. H. (2020). Digital transformation trend in Vietnam higher education: blended learning model. *International Journal of Social Science and Economics Invention*, 6(7), 304-309. <https://doi.org/10.23958/ijsssei/vol06-i07/218>
- Zainuddin, Z. (2015). Exploring the potential of blended learning and learning management system for higher education in Aceh. *Journal of Language, Education, and Humanities*, 2(2), 70-85. <http://dx.doi.org/10.22373/ej.v2i2.287>